

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	5 – 40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng
------------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

TM. Ban lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT 

Phạm Xuân Hà

Số: 225/2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 08 tháng 5 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.090.802.001	89.766.046.848
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.063.940.796	5.304.474.907
1.	Tiền	111	V.01	2.063.940.796	5.304.474.907
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.750.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.750.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.245.937.665	34.127.027.187
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.709.564.176	26.780.578.092
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.371.689.105	3.919.258.761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.164.684.384	3.427.190.334
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	57.867.588.741	50.057.467.326
1.	Hàng tồn kho	141		57.867.588.741	50.057.467.326
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		163.334.799	277.077.428
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	85.128.463	96.260.021
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.908.521
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	78.206.336	178.908.886
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.292.439.852	31.796.145.122
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.794.380.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	44.380.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	3.750.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.907.863.210	13.952.341.946
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	17.883.234.183	13.917.827.691
	- Nguyên giá	222		54.094.724.135	49.460.083.285
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(36.211.489.952)	(35.542.255.594)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	24.629.027	34.514.255
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(70.370.973)	(60.485.745)
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.09	-	7.144.297.448
1.	Nguyên giá	231		-	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(1.117.128.355)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	2.549.989.544	2.224.469.373
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.549.989.544	2.224.469.373
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.357.685.952	1.200.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.685.952	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.476.901.146	3.480.656.355
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.476.901.146	3.480.656.355
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.383.241.853	121.562.191.970

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		99.990.073.109	90.259.918.988
I.	Nợ ngắn hạn	310		96.300.428.169	87.237.424.844
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.596.942.544	2.574.881.496
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.375.514.835	12.999.166.810
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.979.581.998	7.605.455.787
4.	Phải trả người lao động	314		511.420.703	601.250.995
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	237.133.570	500.400.000
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.563.627.028	708.841.020
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	60.034.636.738	62.245.857.983
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		3.689.644.940	3.022.494.144
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	509.488.387
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	3.689.644.940	2.513.005.757
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.393.168.744	31.302.272.982
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	31.393.168.744	31.302.272.982
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.917.413.283	2.826.517.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		216.517.521	21.161.652
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.700.895.762	2.805.355.869
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.383.241.853	121.562.191.970

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	82.754.973.020	84.002.250.409
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.974.397.309	616.853.498
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.780.575.711	83.385.396.911
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	61.664.639.013	66.074.190.680
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.115.936.698	17.311.206.231
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	246.361.186	95.008.267
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.297.839.185	5.790.047.095
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.296.954.640	5.789.138.015
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		57.685.952	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.509.639.953	3.850.877.496
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.823.665.727	4.961.600.125
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.788.838.971	2.803.689.782
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	927.191.588	1.006.203.788
13.	Chi phí khác	32	VI.07	859.429.596	166.361.116
14.	Lợi nhuận khác	40		67.761.992	839.842.672
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.856.600.963	3.643.532.454
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.155.705.201	838.176.585
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.700.895.762	2.805.355.869
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.700.895.762	2.805.355.869
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.000	872
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.000	872

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên



Chủ tịch HĐQT

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		94.930.024.917	92.966.254.962
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61.148.213.862)	(63.995.601.776)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.460.507.352)	(8.032.119.708)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.327.609.820)	(5.876.400.605)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.500.365.436)	(1.010.249.116)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.984.021.241	53.233.940
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.878.439.442)	(24.341.783.481)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.598.910.246	(10.236.665.784)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(6.029.146.454)	(5.367.156.597)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		927.090.909	1.069.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.750.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(100.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		246.361.186	95.008.267
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.705.694.359)	(4.203.057.421)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		64.846.626.541	81.743.398.466
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(65.881.208.603)	(68.061.701.691)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.099.167.936)	(1.620.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.133.749.998)	12.061.696.775
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.240.534.111)	(2.378.026.430)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.304.474.907	7.682.501.337
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.063.940.796	5.304.474.907

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 181 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Thuế thu nhập doanh nghiệp". Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	184.621.730	1.287.945.683
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.879.319.066	4.016.529.224
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>2.063.940.796</u>	<u>5.304.474.907</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-
Cộng	3.750.000.000	3.750.000.000	-	-

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm						
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			100.000.000	157.685.952	-			-	-	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long ^(a)	45	45	100.000.000	157.685.952	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,76	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7	4,7	200.000.000	200.000.000	-
Cộng			1.300.000.000	1.357.685.952	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

^(a) Trong năm công ty góp 100.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long là 270.000.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Vang Thăng Long. Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2017 là 100.000.000 đồng, vốn góp thiếu là 170.000.000 đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	123.255.253	-
Doanh thu bán thành phẩm	28.285.275.682	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.043.636.832	-
Chuyển tiền góp vốn	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.709.564.176	26.780.578.092
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	2.095.753.496	3.395.753.496
- Công ty cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hóa	11.445.734	2.205.834.683
- Bà Vương Thị Thanh Hà	-	2.624.999.850
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	10.584.980.402	18.553.990.063
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	19.709.564.176	26.780.578.092

	Số cuối năm	Số đầu năm
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	7.017.384.544	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	7.017.384.544	-
Cộng	7.017.384.544	-

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.164.684.384	-	3.427.190.334	-
- Tạm ứng	867.188.554	-	1.590.428.217	-
- Phải thu khác	2.297.495.830	-	1.836.762.117	-
b. Dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	3.750.000.000	-
Cộng	3.164.684.384	-	7.177.190.334	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	7.694.403.542	-	4.942.074.624	-
- Công cụ, dụng cụ	514.811.961	-	585.435.287	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.156.337.725	-	33.875.568.411	-
- Thành phẩm	4.918.852.060	-	6.294.781.798	-
- Hàng hoá	2.100.062.833	-	1.197.956.682	-
- Hàng gửi đi bán	4.483.120.620	-	3.161.650.524	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	57.867.588.741	-	50.057.467.326	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Xây dựng cơ bản	2.549.989.544	2.224.469.373
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
+ Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	646.638.489	321.118.318
Cộng	<u>2.549.989.544</u>	<u>2.224.469.373</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>30.902.737.758</i>	<i>2.905.469.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>49.460.083.285</i>
- Mua trong năm	-	6.012.782.818	-	-	-	6.012.782.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>13.355.914.367</i>	<i>35.537.378.608</i>	<i>2.905.469.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.946.721.652</i>	<i>54.094.724.135</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.679.323.439</i>	<i>22.823.143.090</i>	<i>1.530.949.395</i>	<i>323.188.082</i>	<i>1.185.651.588</i>	<i>35.542.255.594</i>
- Khấu hao trong năm	361.173.780	1.302.629.194	221.543.832	9.248.124	152.781.396	2.047.376.326
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.378.141.968)	-	-	-	(1.378.141.968)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>10.040.497.219</i>	<i>22.747.630.316</i>	<i>1.752.493.227</i>	<i>332.436.206</i>	<i>1.338.432.984</i>	<i>36.211.489.952</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>3.676.590.928</i>	<i>8.079.594.668</i>	<i>1.374.520.295</i>	<i>26.051.736</i>	<i>761.070.064</i>	<i>13.917.827.691</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.315.417.148</i>	<i>12.789.748.292</i>	<i>1.152.976.463</i>	<i>16.803.612</i>	<i>608.288.668</i>	<i>17.883.234.183</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 24.735.391.291 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.404.339.735 đồng và 11.269.480.623 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng và Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>45.768.745</i>	<i>14.717.000</i>	<i>60.485.745</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>51.278.977</i>	<i>19.091.996</i>	<i>70.370.973</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>14.231.255</i>	<i>20.283.000</i>	<i>34.514.255</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>8.721.023</i>	<i>15.908.004</i>	<i>24.629.027</i>

09. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư				
	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	(8.261.425.803)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	1.117.128.355	247.842.774	(1.364.971.129)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.144.297.448	-	(7.144.297.448)	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	85.128.463	96.260.021
- Phí bảo hiểm	47.204.644	71.623.621
- Các khoản khác	37.923.819	24.636.400
b. Dài hạn	21.476.901.146	3.480.656.355
- Giá trị còn lại của công cụ xuất dùng chờ phân bổ	244.005.508	267.767.962
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	20.248.935.200	2.559.141.518
- Chi phí sửa chữa	836.242.664	401.746.875
- Chi phí khác	147.717.774	252.000.000
Cộng	21.562.029.609	3.576.916.376

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	62.245.857.983	62.245.857.983	63.332.282.441	65.543.503.686	60.034.636.738	60.034.636.738
- Vay ngân hàng	40.551.784.376	40.551.784.376	50.544.719.566	51.567.276.895	39.529.227.047	39.529.227.047
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	8.145.737.927	8.145.737.927	9.716.562.994	8.145.737.927	9.716.562.994	9.716.562.994
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	14.188.361.043	14.188.361.043	22.211.332.724	18.479.734.850	17.919.958.917	17.919.958.917
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	18.217.685.406	18.217.685.406	18.616.823.848	24.941.804.118	11.892.705.136	11.892.705.136
- Vay đối tượng khác	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791
+ Các cá nhân ^(d)	20.718.253.771	20.718.253.771	11.201.906.975	13.000.406.955	18.919.753.791	18.919.753.791
- Vay dài hạn đến hạn trả	975.819.836	975.819.836	1.585.655.900	975.819.836	1.585.655.900	1.585.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	583.819.836	583.819.836	1.193.655.900	583.819.836	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
Từ 1 năm đến 5 năm	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
- Vay ngân hàng	2.513.005.757	2.513.005.757	3.100.000.000	1.923.360.817	3.689.644.940	3.689.644.940
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.043.005.757	1.043.005.757	3.100.000.000	1.531.360.817	2.611.644.940	2.611.644.940
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.470.000.000	1.470.000.000	-	392.000.000	1.078.000.000	1.078.000.000
Cộng	64.758.863.740	64.758.863.740	66.432.282.441	67.466.864.503	63.724.281.678	63.724.281.678

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 03 xe ô tô 03 xe nâng hàng, 108 tank inox, hợp đồng tiền gửi, 58 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,8%/năm đến 9%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 9%/năm đến 9,5%/năm.
- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm - 9,6%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua tank inox, hệ thống xiết nắp chai và máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất 8,27%/năm.

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	7.596.942.544	7.596.942.544	2.574.881.496	2.574.881.496
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải phòng	4.209.420.600	4.209.420.600	2.266.127.325	2.266.127.325
- Phải trả đối tượng khác	3.387.521.944	3.387.521.944	308.754.171	308.754.171
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	509.488.387	509.488.387
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng & Công trình Kiến trúc Hà Nội	-	-	443.786.433	443.786.433
- Phải trả đối tượng khác	-	-	65.701.954	65.701.954
Cộng	7.596.942.544	7.596.942.544	3.084.369.883	3.084.369.883

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	237.436.813	1.539.396.703	877.224.461	-	899.609.055
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.865.223.480	8.969.486.507	9.794.659.896	-	6.040.050.091
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.908.886	445.362.785	1.155.705.201	1.500.365.436	78.206.336	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	57.432.709	289.355.728	306.865.585	-	39.922.852
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3.226.855.069	3.226.855.069	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	178.908.886	7.605.455.787	15.189.799.208	15.714.970.447	78.206.336	6.979.581.998

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	237.133.570	500.400.000
- Chi phí lãi vay	62.133.570	56.000.000
- Chi phí phải trả khác	175.000.000	444.400.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	237.133.570	500.400.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.563.627.028	708.841.020
- Kinh phí công đoàn	23.341.992	59.946.983
- Bảo hiểm xã hội	-	59.720.011
- Bảo hiểm y tế	-	43.501.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	20.155.355
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.540.285.036	525.517.179
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	60.832.064	-
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	-	36.788.750
+ <i>Các đối tượng khác</i>	1.479.452.972	488.728.429
b. Dài hạn	-	-
Cộng	1.563.627.028	708.841.020

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.805.355.869	2.805.355.869
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.103.321.176)	(2.103.321.176)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	2.700.895.762	2.700.895.762
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744

(*): Chi tiết phân phối lợi nhuận năm nay

	<u>Số cuối năm</u>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	450.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.160.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	2.610.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	10.799.550.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	16.200.450.000	60	16.200.450.000	60
Cộng	27.000.000.000	100	27.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.160.000.000	1.620.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

17. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	31.160.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	(31.160.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	33.154.903.759	36.862.818.342
- Doanh thu bán thành phẩm	29.719.478.747	43.914.803.106
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.070.666.832	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.809.923.682	3.224.628.961
Cộng	82.754.973.020	84.002.250.409

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	291.538.414	522.708.825
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	2.682.858.895	94.144.673
Cộng	2.974.397.309	616.853.498

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.118.734.152	29.962.310.212
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.631.245.016	35.696.316.021
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	122.521.512	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	9.790.494.199	415.564.447
- Giá trị hàng tồn kho hủy trong năm	1.644.134	-
Cộng	61.664.639.013	66.074.190.680

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	246.361.186	95.008.267
Cộng	246.361.186	95.008.267

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.296.954.640	5.789.138.015
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	884.545	-
- Chi phí tài chính khác	-	909.080
Cộng	6.297.839.185	5.790.047.095

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	927.090.909	1.000.203.788
- Các khoản khác	100.679	6.000.000
Cộng	<u>927.191.588</u>	<u>1.006.203.788</u>

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản bị phạt hành chính	859.415.765	166.361.116
- Các khoản khác	13.831	-
Cộng	<u>859.429.596</u>	<u>166.361.116</u>

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	<u>4.823.665.727</u>	<u>4.961.600.125</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.471.309.414	2.412.664.099
- Chi phí đồ dùng văn phòng	169.700.109	189.566.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	86.652.132	252.580.473
- Thuế, phí và lệ phí	1.833.241.162	1.515.713.160
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.602.125	196.774.068
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	560.160.785	394.302.264
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	<u>3.509.639.953</u>	<u>3.850.877.496</u>
- Chi phí nhân viên	684.680.697	1.594.888.195
- Chi phí vật liệu, bao bì	12.870.429	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	126.816.792	213.048.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.934.828.872	987.637.289
- Chi phí khác	750.443.163	1.055.303.756
Cộng	<u>8.333.305.680</u>	<u>8.812.477.621</u>

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.155.705.201	838.176.585
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.155.705.201</u>	<u>838.176.585</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.000	872

^(*)Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.700.895.762	2.805.355.869
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.000	872

^(*)Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.537.454.066	22.239.699.570
- Chi phí nhân công	7.341.183.754	10.853.075.749
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.104.328	2.267.932.829
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.067.403.838	4.314.805.730
- Chi phí khác bằng tiền	5.531.259.997	4.327.829.056
Cộng	42.782.405.983	44.003.342.934

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	238.267.808	638.187.455
Cộng	238.267.808	638.187.455

03. Thay đổi chính sách kế toán

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 31 tháng 3 năm 2016 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.039	(167)	872
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.039	(167)	872

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, chuyển nhượng bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.745.081.438	33.154.903.759	2.070.666.832	17.809.923.682	79.780.575.711
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	26.435.805.048	36.072.734.133	494.374.508	12.988.823.051	75.991.736.740
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	309.276.390	(2.917.830.374)	1.576.292.324	4.821.100.631	3.788.838.971
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.029.146.454	-	-	-	6.029.146.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.717.669.170	1.754.173.541	109.555.708	1.190.137.679	5.771.536.098
Số dư cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	124.211.615.105
- Tài sản không phân bổ					7.171.626.748
Tổng tài sản	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	131.383.241.853
- Nợ phải trả bộ phận	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.988.502.356
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.990.073.109

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	43.879.153.895	36.281.614.055	-	3.224.628.961	83.385.396.911
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	43.282.175.153	36.078.128.945	-	1.221.403.031	80.581.707.129
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	596.978.742	203.485.110	-	2.003.225.930	2.803.689.782
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.129.429.090	-	-	-	6.129.429.090
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.254.813.502	223.380.943	-	367.166.576	2.845.361.021
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	115.057.717.063
- Tài sản không phân bổ					6.504.474.907
Tổng tài sản	75.337.911.562	28.243.142.575	-	11.476.662.926	121.562.191.970
- Nợ phải trả bộ phận	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	90.258.348.235
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	60.419.519.405	25.488.342.350	-	4.350.486.480	90.259.918.988

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.063.940.796	-	5.304.474.907	-	2.063.940.796	5.304.474.907
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.859.924.961	-	26.617.340.209	-	19.859.924.961	26.617.340.209
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.750.000.000	-	-	-	3.750.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	26.873.865.757	-	33.121.815.116	-	26.873.865.757	33.121.815.116
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	3.084.369.883	7.596.942.544	3.084.369.883		
Vay và nợ	63.724.281.678	64.758.863.740	63.724.281.678	64.758.863.740		
Chi phí phải trả	237.133.570	500.400.000	237.133.570	500.400.000		
Các khoản phải trả khác	372.857.055	525.517.179	372.857.055	525.517.179		
Cộng	71.931.214.847	68.869.150.802	71.931.214.847	68.869.150.802		

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**06. Tài sản đảm bảo****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	19.203.260.295	5.438.083.706	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.020.584.107	674.919.631	khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	5.352.210.000	4.678.420.454	Giải chấp khi các
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	478.056.832	khoản vay được trả
Tổng cộng	27.404.339.735	11.269.480.623	

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	-	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	237.133.570	-	-	237.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
Cộng	68.241.569.907	3.689.644.940	-	71.931.214.847
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.574.881.496	509.488.387	-	3.084.369.883
Vay và nợ	62.245.857.983	2.513.005.757	-	64.758.863.740
Chi phí phải trả	500.400.000	-	-	500.400.000
Các khoản phải trả khác	525.517.179	-	-	525.517.179
Cộng	65.846.656.658	3.022.494.144	-	68.869.150.802

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 02 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

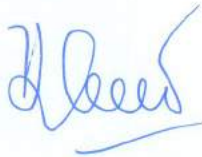
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà